

Số: 823/QĐ-UBND

Than Uyên, ngày 31 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia
công cộng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản
đường địa phương (LRAMP) - Cầu Pa Chi Tấu, xã Tà Hừa,
huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc thi hành Luật đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định chi tiết về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện Thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định 2131/QĐ-TCĐBVN ngày 15/5/2020 của Tổng cục đường bộ Việt Nam về việc phê duyệt Dự án đầu tư và bổ sung, điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Dự án thành phần 6, tỉnh Lai Châu (LC: 06-DAĐT: 03) thuộc Hợp phần cầu - Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP);

Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 của UBND huyện về việc ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Pa Chi Tấu, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên.

Căn cứ Thông báo số 596/TB-UBND ngày 17/03/2021 của UBND huyện thông báo thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Pa Chi Tấu, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên;

Căn cứ bản đồ trích đo địa chính khu đất; bảng tổng hợp diện tích trích đo khu đất thu hồi và phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Pa Chi Tấu, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên do Công ty CP ứng dụng công nghệ TN&MT thực hiện xác nhận ngày tháng 11/2020 và được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 25/01/2021;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 54/TTr-TN&MT ngày 27/05/2021 và Công văn số 166/CV-TTPTQĐ ngày 17/05/2021 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi đất của 6 hộ gia đình, cá nhân và 1 tổ chức (đất UBND xã Tà Hừa quản lý), cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đất thu hồi: 4.104,0 m²
- Loại đất:
 - + Đất chuyên trồng lúa nước: 188,3 m²
 - + Đất nuôi trồng thủy sản: 123,9 m²
 - + Đất bằng trồng cây hàng năm khác: 777,6 m²
 - + Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác: 1.015,6 m²
 - + Đất sông suối: 1.056,9 m²
 - + Đất thủy lợi: 67,7 m²
 - + Đất giao thông: 874,0 m²

(Có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo)

- Địa chỉ: xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch UBND xã Tà Hừa có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Than Uyên trong việc bồi thường, giải phóng mặt

bằng; trường hợp các hộ có đất thu hồi nằm trong phạm vi GPMB không nhận Quyết định hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản, niêm yết Quyết định thu hồi đất tại trụ sở UBND xã xã Tà Hừa, tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm giao Quyết định đến từng người có đất bị thu hồi và chịu trách nhiệm toàn bộ số liệu đo đạc, kiểm đếm của các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi nằm trong phạm vi GPMB xây dựng công trình, chủ trì phối hợp với UBND xã xã Tà Hừa thu các giấy tờ gốc liên quan (nếu có) đến quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân khi chi trả tiền bồi thường và chuyển cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đối với các hộ có đất nằm trong phạm vi GPMB; thực hiện công tác GPMB theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, các văn bản hướng dẫn thi hành và các Quyết định hiện hành của UBND tỉnh Lai Châu và quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi theo quy định.

3. Văn phòng HĐND và UBND huyện Than Uyên có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên yêu cầu Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất; Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND xã xã Tà Hừa; thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ gia đình, cá nhân tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND;
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Tà Hừa;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thăng



**BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KHU ĐẤT GPMB DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU DÂN SINH VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG (LRAMP) - CẦU PA CHÍT TÁU, XÃ TÀ HỪA**

(Đính kèm Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND huyện Than Uyên)

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)	Trong đó									
							Đất bằng trồng cây hàng năm (BHK)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	Đất sông, suối (SON)	Đất giao thông (DGT)	Đất thủy lợi (DTL)			
	Lò Văn Hoạch, Quảng Thị Phấn	Bản Pá Chít Tấu	49	68	BHK	260,0										
	Lò Văn Hoạch, Quảng Thị Phấn	Bản Pá Chít Tấu	49	66	BHK	11,5										
1	Tổng				-	271,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Lò Văn Dân, Hà Thị Yên	Bản Pá Chít Tấu	49	76	NTS	123,9	123,9									
	Lò Văn Dân, Hà Thị Yên	Bản Pá Chít Tấu	49	140	BHK	17,2										
	Lò Văn Dân, Hà Thị Yên	Bản Pá Chít Tấu	49	59	BHK	159,5										
	Lò Văn Dân, Hà Thị Yên	Bản Pá Chít Tấu	49	135	BHK	15,6										
	Lò Văn Dân, Hà Thị Yên	Bản Pá Chít Tấu	49	136	NHK	21,2					21,2					
	Lò Văn Dân, Hà Thị Yên	Bản Pá Chít Tấu	49	137	BHK	185,7										
2	Tổng				-	523,1	123,9	-	-	21,2	-	-	-	-	-	-
	Lò Văn Toàn	Bản Pá Chít Tấu	49	79	LUC	86,2		86,2								
3	Tổng				-	86,2	-	86,2	-	-	-	-	-	-	-	-
	Lò Văn Toàn	Bản Pá Chít Tấu	49	87	LUC	102,1		102,1								
4	Tổng				-	102,1	-	102,1	-	-	-	-	-	-	-	-
	Lò Văn Đanh, Lò Thị Sóng	Bản Pá Chít Tấu	49	134	BHK	15,4										
	Lò Văn Đanh, Lò Thị Sóng	Bản Pá Chít Tấu	49	64	BHK	112,7										
	Lò Văn Đanh, Lò Thị Sóng	Bản Pá Chít Tấu	49	138	NHK	68,3							68,3			
	Lò Văn Đanh, Lò Thị Sóng	Bản Pá Chít Tấu	49	139	NHK	15,0								15,0		
5	Tổng				-	211,4	-	128,1	-	-	83,3	-	-	-	-	-





STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)	Trong đó							
							Đất bằng trồng cây hàng năm (BHK)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	Đất sông, suối (SON)	Đất giao thông (DGT)	Đất thủy lợi (DTL)	
	Lường Văn Toán, Hà Thị Nội	Bản Pá Chít Tầu	49	145	NHK	441,4				441,4				
	Lường Văn Toán, Hà Thị Nội	Bản Pá Chít Tầu	49	146	NHK	469,7				469,7				
6	Tổng				-	911,1	-	-	-	911,1		-	-	-
	UBND Xã quản lý	Xã Tà Hừa	49	58	DGT	165,2							165,2	
	UBND Xã quản lý	Xã Tà Hừa	49	141	DTL	67,7								67,7
	UBND Xã quản lý	Xã Tà Hừa	49	142	SON	1.056,9						1.056,9		
	UBND Xã quản lý	Xã Tà Hừa	49	143	DGT	708,8							708,8	
7	Tổng				-	1.998,6	-	-	-			1.056,9	874,0	67,7
	Tổng cộng				-	4.104,0	123,9	188,3	1.015,6	1.056,9	874,0	874,0	67,7	67,7



Số: 831/QĐ-UBND

Than Uyên, ngày 31 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Pa Chi Tấu, xã Tà Hù, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc thi hành Luật đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định chi tiết về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 về việc ban hành quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng, vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện Thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 12 dự án trên địa bàn huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định 2131/QĐ-TCĐBVN ngày 15/5/2020 của Tổng cục đường bộ Việt Nam về việc phê duyệt Dự án đầu tư và bổ sung, điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Dự án thành phần 6, tỉnh Lai Châu (LC: 06-DAĐT: 03) thuộc Hợp phần cầu - Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP);

Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 16/03/2021 của UBND huyện về việc ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Pa Chi Tấu, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên.

Căn cứ Thông báo số 596/QĐ-UBND ngày 17/03/2021 của UBND huyện thông báo thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Pa Chi Tấu, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 31/05/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Pa Chi Tấu, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên.

Căn cứ bản đồ trích đo địa chính khu đất; bảng tổng hợp diện tích trích đo khu đất thu hồi và phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Pa Chi Tấu, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên do Công ty CP ứng dụng công nghệ TN&MT thực hiện xác nhận ngày tháng 11/2020 và được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 25/01/2021;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 55/TTr-TN&MT ngày 27/05/2021 và Tờ trình số 167/CV-TTPTQĐ ngày 17/05/2021 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP) Cầu Pa Chi Tấu, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên.

1. Tổng số hộ gia đình: 07 hộ.

2. Tổng kinh phí phê duyệt bồi thường, hỗ trợ là 410.108.429 đồng
(Bằng chữ: Bốn trăm mười triệu, một trăm linh tám nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng). Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	318.925.229 đồng
+ Bồi thường về đất:	52.160.000 đồng
+ Bồi thường về tài sản, VKT:	32.154.141 đồng
+ Bồi thường cây trồng vật nuôi:	48.172.288 đồng
+ Hỗ trợ:	186.438.800 đồng
- Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường: (Theo KQTD số 282/KQTD-TCKH ngày 12/11/2020 của Phòng Tài chính – Kế hoạch)	91.183.200 đồng


(Có bảng tổng hợp phương án bổ sung chi tiết kèm theo)

3. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.


- Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên yêu cầu Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất; Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND xã Tà Hừa; thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ gia đình, cá nhân tổ chức triển khai thực hiện./. 

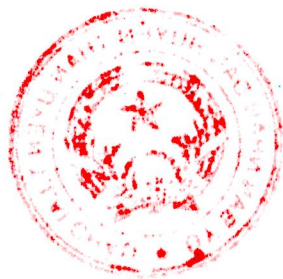
Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND;
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Tà Hừa;
- Lưu: VT, TNMT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thăng



**BẢNG TỔNG HỢP DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU DÂN SINH VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG (LRAMP) - CẦU PA CHI
TÁU, XÃ TÀ HỮA, HUYỆN THAN UYÊN**

(Đính kèm Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND huyện Than Uyên)

STT	Họ và tên chủ hộ và danh mục bồi thường	HKTT	ĐVT	Số lượng	Đơn vị (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	Tổng mức bồi thường					410.108.429
I	Chi trả cho chủ sở hữu tài sản					318.925.229
-	Đất					52.160.000
-	Tài sản, VKT					32.154.141
-	Cây trồng vật nuôi trên đất					48.172.288
-	Hỗ trợ					186.438.800
II	Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường: Căn cứ Kết quả thẩm định số 282/KQTD-TCKH ngày 12/11/2020					91.183.200
B	Chi tiết bồi thường cho chủ sở hữu					
1	Lò Văn Hoạch	Bản Pa Chi Tấu				42.853.420
a	Đất					6.787.500
-	Đất trồng cây hàng năm khác VT3		m2	271,50	25.000	6.787.500
b	Cây trồng vật nuôi					7.688.350
-	Cây mơ trồng năm thứ 3		cây	10,00	132.000	1.320.000
-	Cây ổi trồng bằng hạt năm thứ 2		cây	30,00	66.000	1.980.000
-	Cây Chanh BKTL 2-4m		cây	2,00	288.000	576.000
-	Cây chanh trồng bằng hạt năm thứ 2		cây	2,00	66.000	132.000
-	Cây bưởi trồng bằng hạt năm thứ 2		cây	2,00	66.000	132.000
-	Cây dứa		khóm	30,00	9.600	288.000
-	Cây chè năm 2 (các giống chè khác)		m2	5,00	7.200	36.000
-	Cây mận trồng bằng hạt năm thứ 2		cây	5,00	66.000	330.000
-	Cây mận BKTL 1-2m		cây	3,00	360.000	1.080.000
-	Sản lượng sắn (55m2 x 1.07kg/m2)		kg	58,85	5.000	294.250
-	Rau màu gói vụ (cây ớt)		m2	21,00	9.600	201.600
-	Cây đào trồng bằng hạt năm thứ 2		cây	2,00	66.000	132.000
-	Cây quế trồng từ năm 2 đến dưới năm 3		cây	2,00	18.000	36.000
-	Cây xoài trồng bằng hạt năm thứ 2		cây	1,00	66.000	66.000
-	Cây sả		m2	2,00	6.000	12.000
-	Cây lấy gỗ khác ĐK 35cm		m3	1,43	750.000	1.072.500
c	Tài sản vật kiến trúc					5.978.820
-	Hàng rào cột tre		m	20,00	6.000	120.000
-	Chuồng khung gỗ, lán nền vữa XM, lợp Fibrô XM		m2	23,85	178.200	4.250.070
-	Hỗ trợ di chuyển dàn năng lượng mặt trời (máy phát điện nước)		bộ	1,00	495.000	495.000
-	Đào, đắp đất bằng thủ công (mương thủy lợi), chia 4 hộ		m3	13,50	82.500	1.113.750
d	Hỗ trợ					22.398.750
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất trồng cây hàng năm khác (Đg=25.000x3)		m2	271,50	75.000	20.362.500

STT	Họ và tên chủ hộ và danh mục bồi thường	HKTT	ĐVT	Số lượng	Đơn vị (đồng)	Thành tiền (đồng)
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất trồng cây hàng năm khác dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Đg = 25.000 x 30%)		m2	271,50	7.500	2.036.25
2	Lò Văn Dân	Bản Pa Chi Tầu				108.024.91
a	Đất					13.137.800
-	Đất trồng cây hàng năm khác VT3		m2	378	25.000	9.450.000
-	Đất nuôi trồng thủy sản VT3		m2	124	26.000	3.221.400
-	Đất nương rẫy VT3		m2	21	22.000	466.400
b	Cây trồng vật nuôi					26.008.800
-	Rau màu gối vụ (rau màu + ớt)		m2	79	9.600	758.400
-	Cây ổi trồng bằng hạt năm thứ 4		cây	31	192.000	5.952.000
-	Cây ổi trồng bằng hạt năm thứ 1		cây	13	42.000	546.000
-	Cây ổi trồng BKTL 1-2m		cây	2	360.000	720.000
-	Cây lấy gỗ khác ĐK 5-10cm		cây	25	30.000	750.000
-	Cây dong riềng		m2	2	18.000	36.000
-	Cây gừng		m2	10	14.400	144.000
-	Cây sả		m2	4	6.000	24.000
-	Cây chè năm thứ 2 (các giống chè khác)		m2	2	7.200	14.400
-	Cây mít BKTL 2-4m		cây	5	360.000	1.800.000
-	Cây lấy gỗ khác ĐK 10-25cm (cây trám)		cây	5	42.000	210.000
-	Cây lấy gỗ khác ĐK 5-10cm (cây trám)		cây	36	30.000	1.080.000
-	Cây mơ trồng năm thứ 3		cây	2	132.000	264.000
-	Cây mận trồng năm thứ 3		cây	1	132.000	132.000
-	Cây lấy gỗ khác ĐK 10-25cm (cây si)		cây	1	42.000	42.000
-	Cây dừa		khóm	738	9.600	7.084.800
-	Sản lượng cá (537,6m2 x 0.3kg/m2)		kg	161	40.000	6.451.200
c	Tài sản vật kiến trúc					25.523.571
-	Bê tông đá Dmax 20		m3	0	947.100	303.072
-	Hàng rào cột tre (vườn + ao)		m	52	6.000	312.000
-	Tường rào lưới thép B40, thép 3.4		m2	54	100.100	5.405.400
-	Ao đào không phân biệt cấp đất		m3	335	58.300	19.503.099
d	Hỗ trợ					43.354.740
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất trồng cây hàng năm khác (Đg=25.000x3)		m2	378	75.000	28.350.000
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nuôi trồng thủy sản (Đg=26.000x3)		m2	124	78.000	9.664.200
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nương rẫy (Đg=22.000x3)		m2	21	66.000	1.399.200
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất trồng cây hàng năm khác (Đg = 25,000x30%)		m2	378	7.500	2.835.000
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất nuôi trồng thủy sản (Đg = 26,000 x 30%)		m2	124	7.800	966.420

STT	Họ và tên chủ hộ và danh mục bồi thường	HKTT	ĐVT	Số lượng	Đơn vị (đồng)	Thành tiền (đồng)
3	Lò Văn Toan	Bản Pa Chi Tấu				21.139.108
a	Đất-					3.275.600
-	Đất trồng lúa 2 vụ VT1		m2	86,20	38.000	3.275.600
b	Cây trồng vật nuôi					502.828
-	Cây lấy gỗ khác ĐK 5-10cm		cây	1,00	30.000	30.000
-	Hàng rào cột tre		m	7,00	6.000	42.000
-	Sản lượng lúa (86.2m2 x 0.588kg/m2)		kg	50,69	8.500	430.828
c	Hỗ trợ					17.360.680
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất lúa 2 vụ (Đg=38.000x5)		m2	86,20	190.000	16.378.000
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất lúa 2 vụ (Đg = 38.000 x 30%)		m2	86,20	11.400	982.680
4	Lù Văn Toạn	Bản Pa Chi Tấu				25.733.036
a	Đất					3.879.800
-	Đất trồng lúa 2 vụ VT1		m2	102,10	38.000	3.879.800
b	Cây trồng vật nuôi					1.290.296
-	Cây tre ĐK 5-10cm		cây	26,00	30.000	780.000
-	Sản lượng lúa (102.1m2 x 0.588kg/m2)		kg	60,03	8.500	510.296
c	Hỗ trợ					20.562.940
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất lúa 2 vụ (Đg=38.000x5)		m2	102,10	190.000	19.399.000
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất lúa 2 vụ (Đg = 38,000 x 30%)		m2	102,10	11.400	1.163.940
5	Lò Văn Đanh	Bản Pa Chi Tấu				27.123.455
a	Đất					5.035.100
-	Đất trồng cây hàng năm khác VT3		m2	128,10	25.000	3.202.500
-	Đất nương rẫy VT3		m2	83,30	22.000	1.832.600
b	Cây trồng vật nuôi					5.472.525
-	Hàng rào cột tre (vườn + ao)		m	37,00	6.000	222.000
-	Sản lượng sản (128.1m2 x 1.05kg/m2)		kg	134,51	5.000	672.525
-	Cây ổi trồng bằng hạt năm thứ 2		cây	32,00	66.000	2.112.000
-	Cây quế trồng dưới 2 năm		cây	25,00	10.800	270.000
-	Cây bưởi trồng năm thứ 1		cây	5,00	42.000	210.000
-	Cây lấy gỗ khác ĐK 5-10cm		cây	3,00	30.000	90.000
-	Cây mận trồng bằng hạt năm thứ 2		cây	2,00	66.000	132.000
-	Cây đào trồng bằng hạt năm thứ 2		cây	3,00	66.000	198.000
-	Cây tre ĐK 5-10cm		cây	45,00	30.000	1.350.000
-	Cỏ voi và các loại cỏ trồng phục vụ chăn nuôi		m2	20,00	4.800	96.000
-	Giàn nhót leo kín giàn		m2	10,00	12.000	120.000
c	Hỗ trợ					16.615.830

STT	Họ và tên chủ hộ và danh mục bồi thường	HKTT	ĐVT	Số lượng	Đơn vị (đồng)	Thành tiền (đồng)
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất trồng cây hàng năm khác (Đg=25.000x3)		m2	128,10	75.000	9.607.500
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nương rẫy (Đg=22.000x3)		m2	83,30	66.000	5.497.800
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất trồng cây hàng năm khác dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Đg = 25.000 x 30%)		m2	128,10	7.500	960.750
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất nương rẫy dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Đg = 22.000 x 30%)		m2	83,30	6.600	549.780
6	Lường Văn Toán	Bản Pa Chi Tấu				93.399.550
a	Đất					20.044.200
-	Đất nương rẫy VT3		m2	911,10	22.000	20.044.200
b	Cây trồng vật nuôi					7.209.490
-	Cây quế trồng dưới 2 năm		cây	120,00	10.800	1.296.000
-	Cây lấy gỗ khác ĐK 5-10cm			25,00	30.000	750.000
-	Cây ổi năm thứ 2			10,00	66.000	660.000
-	Sản lượng sắn (441.4m2 x 1.07kg/m2)		kg	472,30	5.000	2.361.490
-	Hàng rào cột tre		m	55,00	6.000	330.000
-	Cây tre ĐK <5cm		cây	49,00	18.000	882.000
-	Cây tre ĐK 5-10cm		cây	31,00	30.000	930.000
c	Hỗ trợ					66.145.860
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nương rẫy (Đg=22.000x3)		m2	911,10	66.000	60.132.600
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất nương rẫy dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Đg = 22.000 x 30%)		m2	911,10	6.600	6.013.260
7	Lò Văn Phách	Bản Pa Chi Tấu				651.750
a	Tài sản vật kiến trúc					651.750
-	Nhà tranh tre (nhà tạm, lán tạm)		m2	3,75	173.800	651.750